Lesson Sheet

A1 · Week 3 · Session 3 · a1-w03-s3 · v1 draft

A Day in My English Classroom

• Học sinh kể được các hoạt động diễn ra trong một tiết học tiếng Anh.

• Học sinh nắm vững cách dùng các động từ hành động và từ nối thứ tự (First, Then, Finally).

Grammar: Present Simple with Sequence Words (First, Then, Finally)

Khi kể lại chuỗi các hoạt động trong một tiết học, ta dùng thì hiện tại đơn kết hợp các từ nối chỉ trình tự thời gian: 'First' (đầu tiên), 'Then' (sau đó), 'Next' (tiếp theo), 'Finally' (cuối cùng).

First / Then / Next / Finally, + S + V (Present Simple)

Khởi động với các động từ hoạt động học tập · 10 phút
Học sinh xem tranh minh họa và thực hiện các động tác tương ứng với động từ: read, write, draw, sing.

Học từ vựng chuỗi hoạt động và đọc hiểu · 15 phút
Học sinh đọc bài văn về một ngày học tiếng Anh, nhận biết từ nối thứ tự (First, Then, Finally) và trả lời câu hỏi.

Luyện nghe hội thoại và chia sẻ hoạt động yêu thích · 10 phút
Học sinh nghe Kevin và Daisy trò chuyện hai lần, sau đó luyện nói về hoạt động mình thích nhất.

Viết đoạn văn ngắn và trắc nghiệm củng cố · 10 phút
Học sinh hoàn thành bài viết 25 từ về giờ học tiếng Anh và trả lời 8 câu trắc nghiệm.

Vocabulary Worksheet

A1 · Week 3 · Session 3 · a1-w03-s3 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

lesson /ˈlesn/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

read /riːd/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

write /raɪt/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

draw /drɔː/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

sing /sɪŋ/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

game /geɪm/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

song /sɒŋ/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

learn /lɜːn/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

fun /fʌn/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

Grammar Worksheet

A1 · Week 3 · Session 3 · a1-w03-s3 · v1 draft

Present Simple with Sequence Words (First, Then, Finally)

First / Then / Next / Finally, + S + V (Present Simple)

Choose the correct sentence in the Present Simple:

A. We read interesting stories in class.

B. We reads interesting stories in class.

C. We reading interesting stories in class.

Complete the sequence sentence: 'First, we sing a song. _____, we open our books.'

A. Then

B. Because

C. Or

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

A1 · Week 3 · Session 3 · a1-w03-s3 · v1 draft

A Wonderful English Lesson

Every Tuesday morning, we have a wonderful English lesson. First, our teacher greets us with a warm smile. We sing a happy English song together. Then, we open our notebooks and read interesting stories about animals. Next, we write new words on our small boards. My friend Kevin likes to draw pictures for the words. Finally, we play a fun word game in teams. I learn many great things in my English classroom.

On which day does the class have their English lesson in the reading story?
A. Monday morning
B. Tuesday morning
C. Friday afternoon

What does Kevin like to do for the new vocabulary words?
A. Draw pictures
B. Play the guitar
C. Sleep on the desk

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

A1 · Week 3 · Session 3 · a1-w03-s3 · v1 draft

Activities in English Class

Lần nghe 1: Nghe để hiểu hai bạn Kevin và Daisy đang nói về môn học nào và các hoạt động gì.
Lần nghe 2: Nghe kỹ hoạt động mà Kevin yêu thích nhất trong giờ học tiếng Anh.

What does Daisy love doing in English class according to the listening dialogue?
A. Singing songs and reading animal stories
B. Running in the hallway
C. Drawing big world maps

What is Kevin's favorite activity in English class?
A. Drawing pictures for new vocabulary words
B. Writing long tests
C. Cleaning the floor

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

A1 · Week 3 · Session 3 · a1-w03-s3 · v1 draft

Write a short paragraph (20-40 words) about what you do in your English class.

Độ dài tham khảo: 20–40 từ.

• Câu 1: Giới thiệu về tiết học tiếng Anh của em.

• Câu 2: Kể 1-2 hoạt động trong giờ học (đọc, hát, chơi trò chơi).

• Câu 3: Nêu cảm nghĩ của em về môn học.

Checklist

¡Dùng các động từ chỉ hoạt động ở thì hiện tại đơn.

¡Viết đúng chính tả tên ngày trong tuần và môn học.

¡Độ dài bài viết đạt từ 20 đến 40 từ.

Speaking Card

A1 · Week 3 · Session 3 · a1-w03-s3 · v1 draft

Describe your favorite activity during an English lesson at school.

Do you like singing songs in English?

What do you write in your notebook?

What game do you play in class?

Bố mẹ quan sát

¡Diễn đạt được sở thích về các hoạt động học tập bằng cụm từ 'I like + V-ing' hoặc 'We + verb'.
¡Phát âm rõ ràng các động từ hành động 'read', 'draw', 'sing'.

Từ vựng gợi ý

lesson · read · write · draw · sing · game · song · learn · fun